TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2021/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 04 tháng 3 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993;
Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh H;
Chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh H.
2/ Bị đơn: **Anh Nguyễn Xuân N**, sinh năm 1992;
Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh H.
3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 01/7/2013;
- Cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 28/9/2015;
- Cháu Nguyễn Vũ Hoàng P, sinh ngày 19/10/2017;
Đều hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh H;
Đại diện theo pháp luật cho các cháu là anh Nguyễn Xuân N và chị Nguyễn Thị L.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hoà giải thành ngày 24/02/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hoà giải thành ngày 24/02/2021 là hoàn toàn tự N và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân N thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn;

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân N thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 28/9/2015 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 01/7/2013 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc A trưởng thành, tự lập được (do cháu Ngọc A bị khuyết tật đặt biệt nặng: Vân động, trí tuệ, không tự chăm sóc, nuôi dưỡng được bản thân); giao cháu Nguyễn Vũ Hoàng P, sinh ngày 19/10/2017 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng P đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự N thỏa thuận của các bên đương sự không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn chị L, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, gia đình chị L và gia đình anh N không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Công sức đóng góp, ruộng canh tác: Các bên đương sự xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân N thỏa thuận thống nhất chị L tự N chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003813 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, chị L đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Nguyễn Thị L 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng ktra NVXX và THAHS TAND tỉnh H;
- UBND xã N (GCNKH số 30, quyển số 01/2012);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q